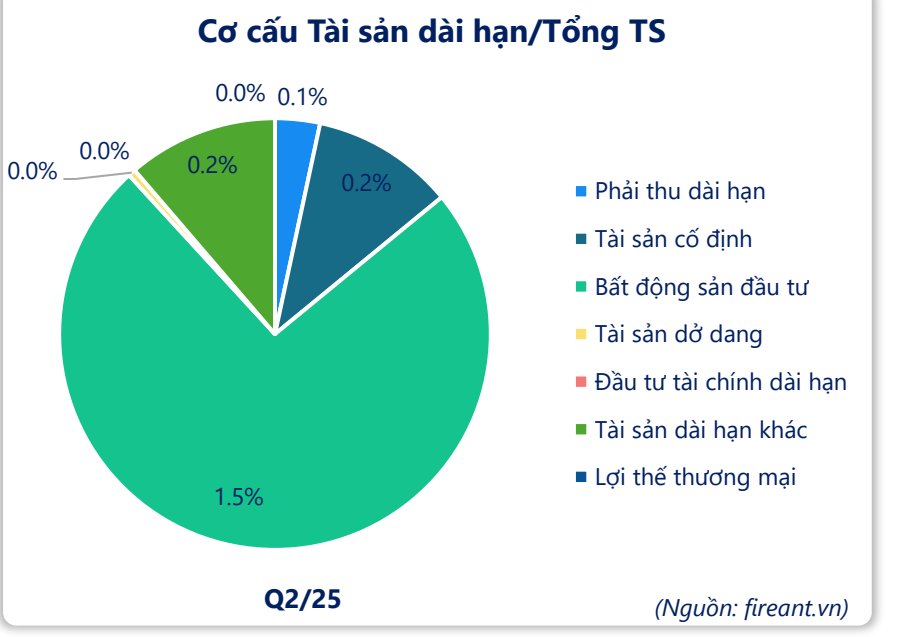
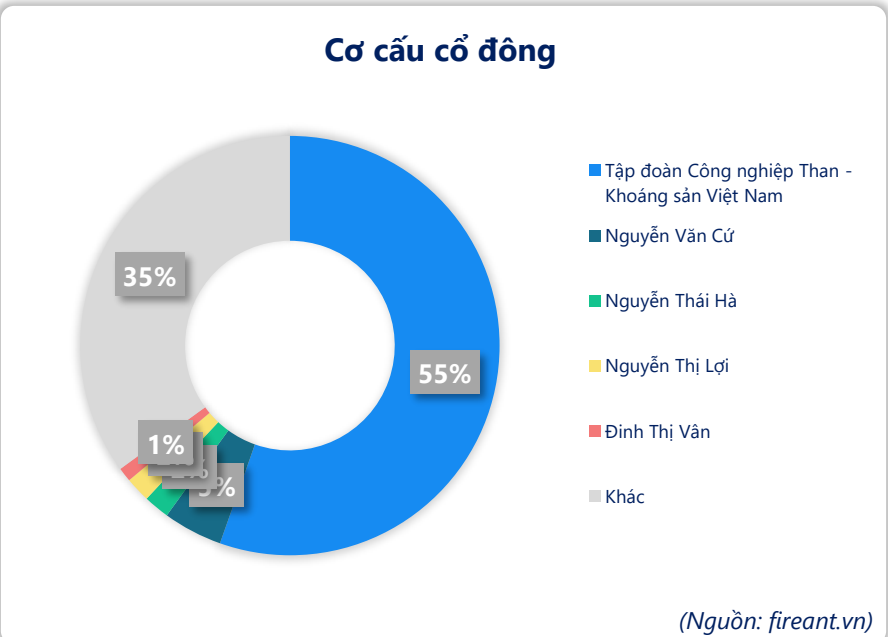
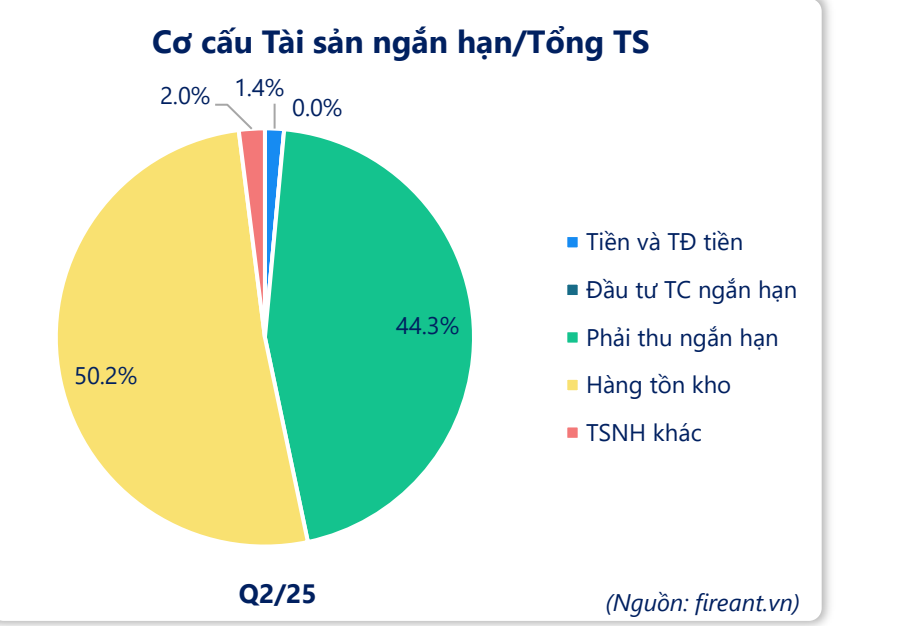
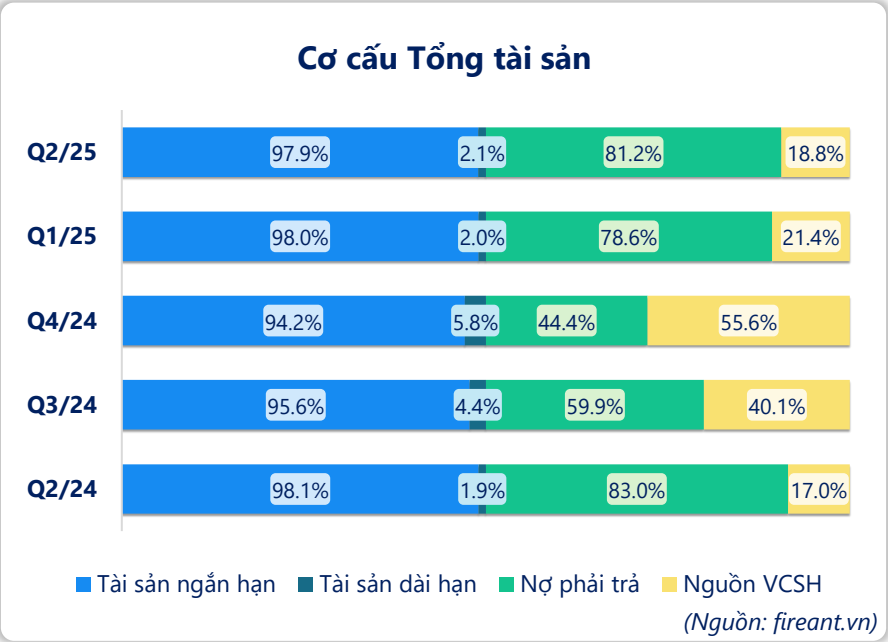
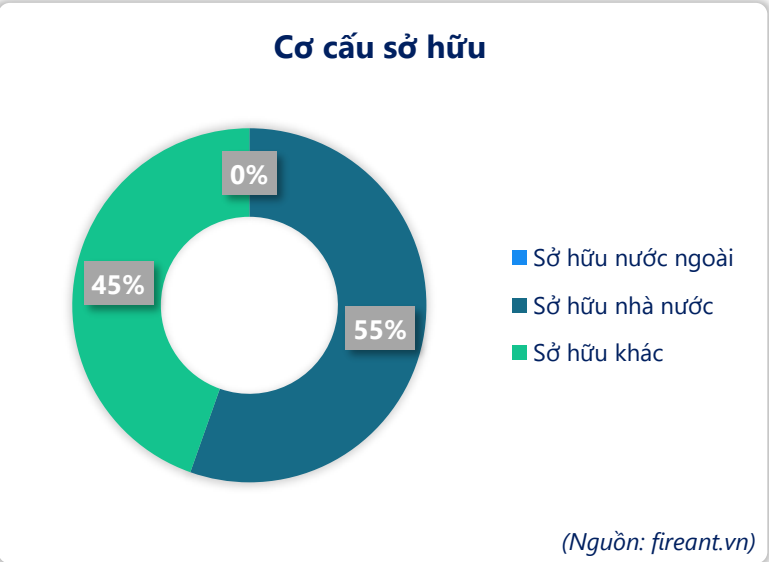
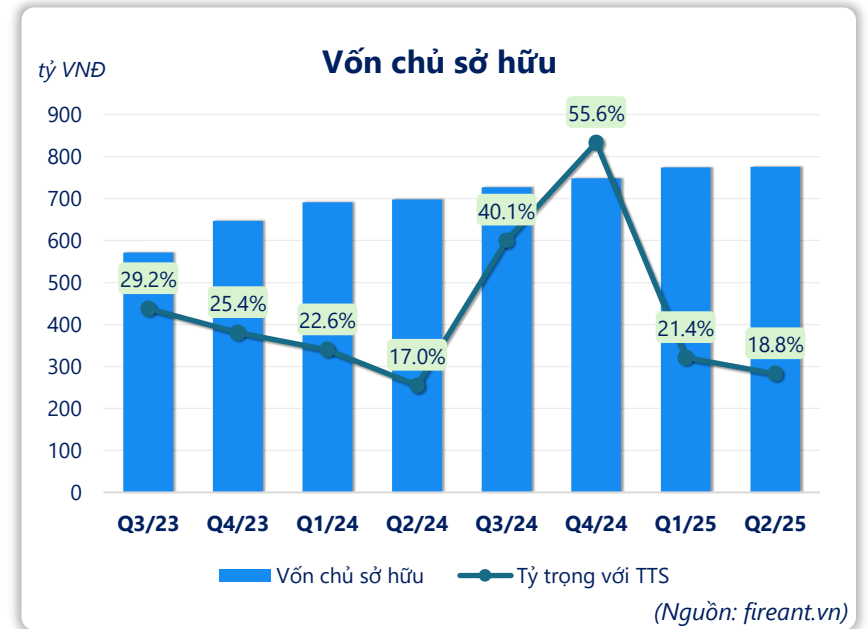
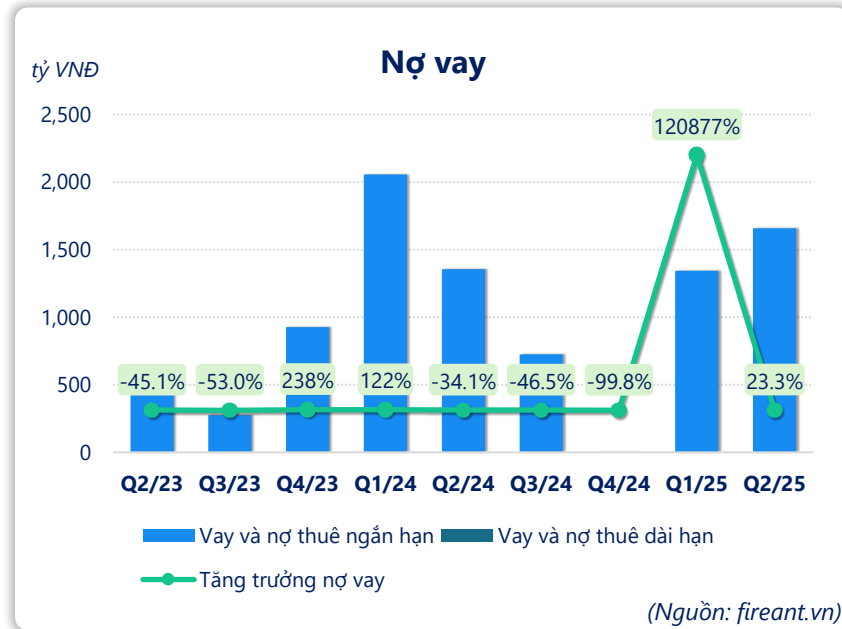
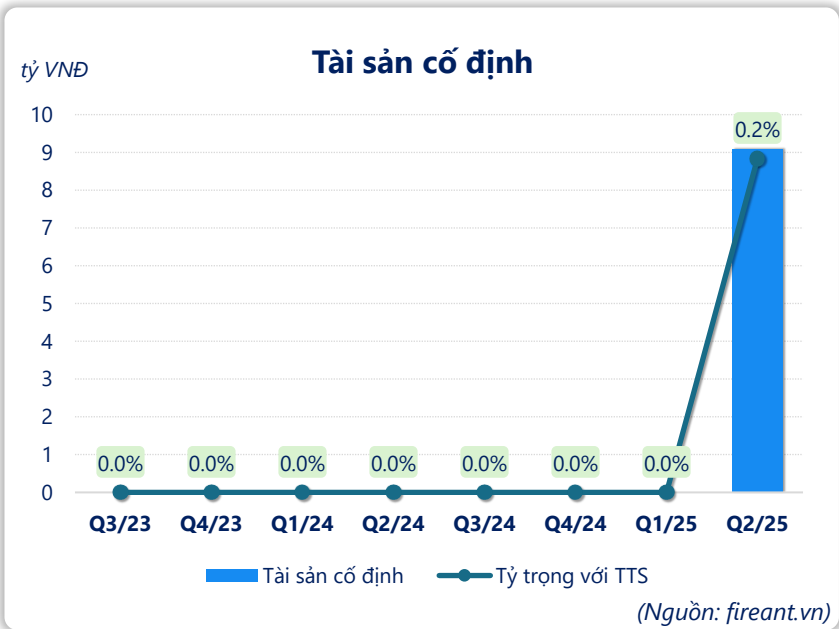
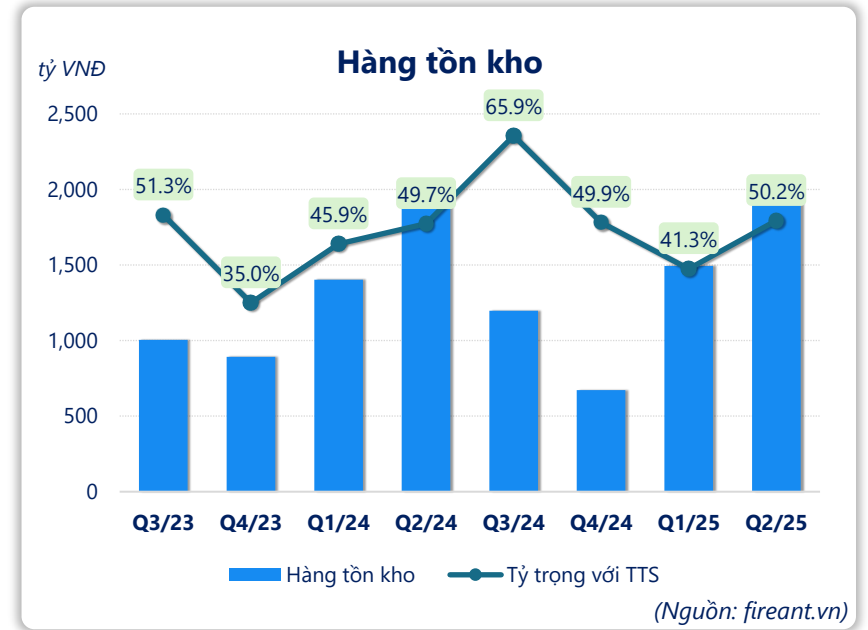
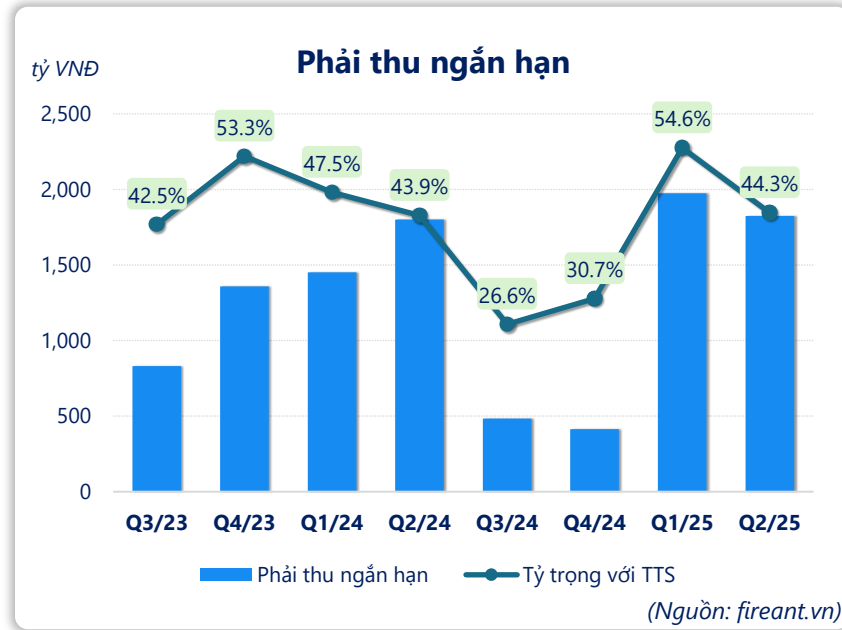
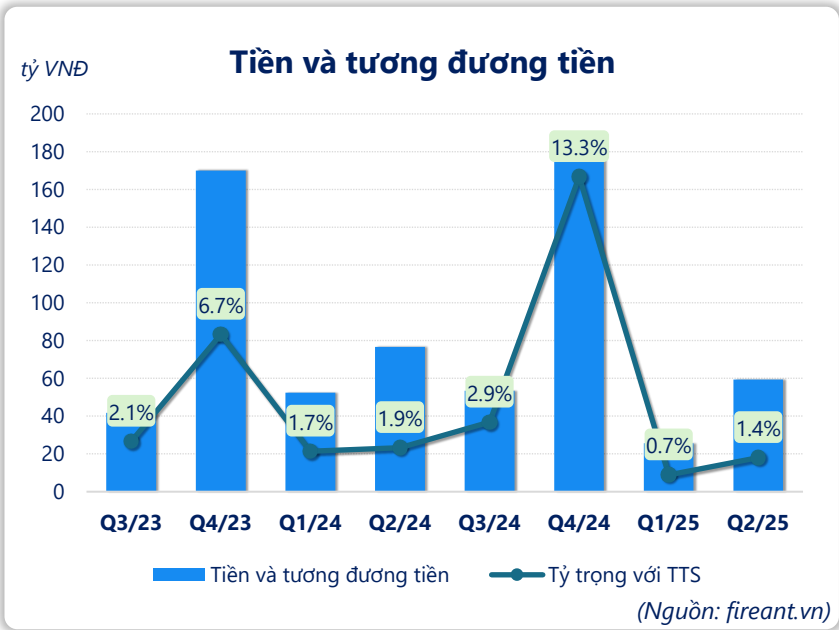
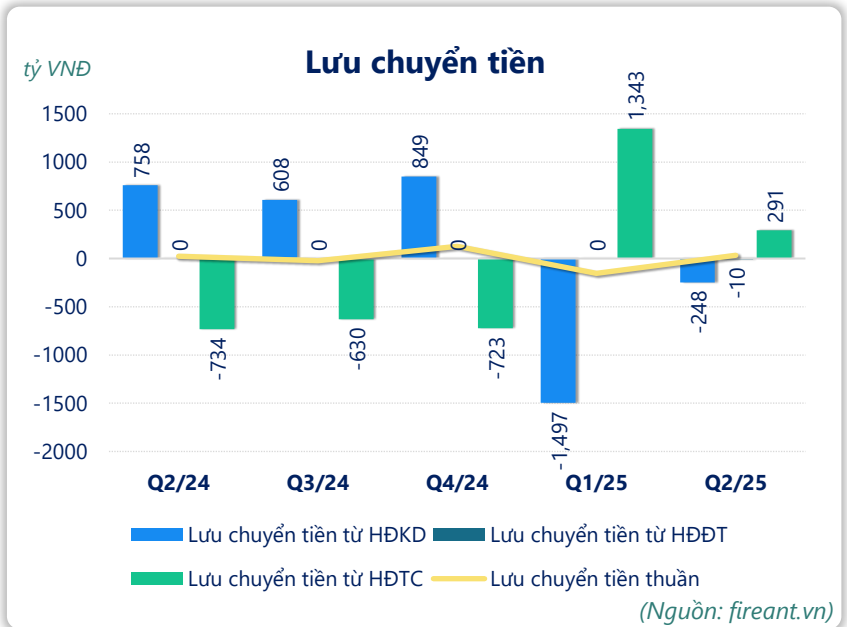
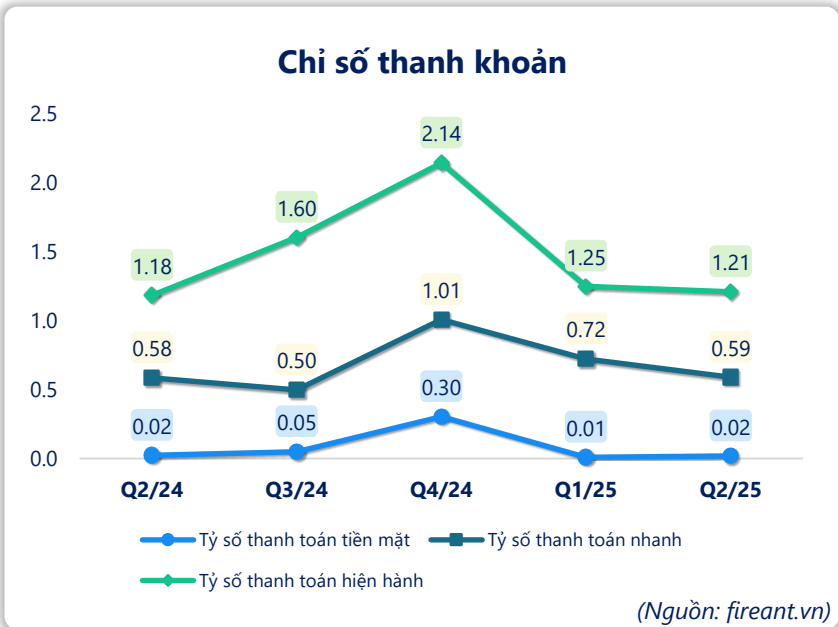
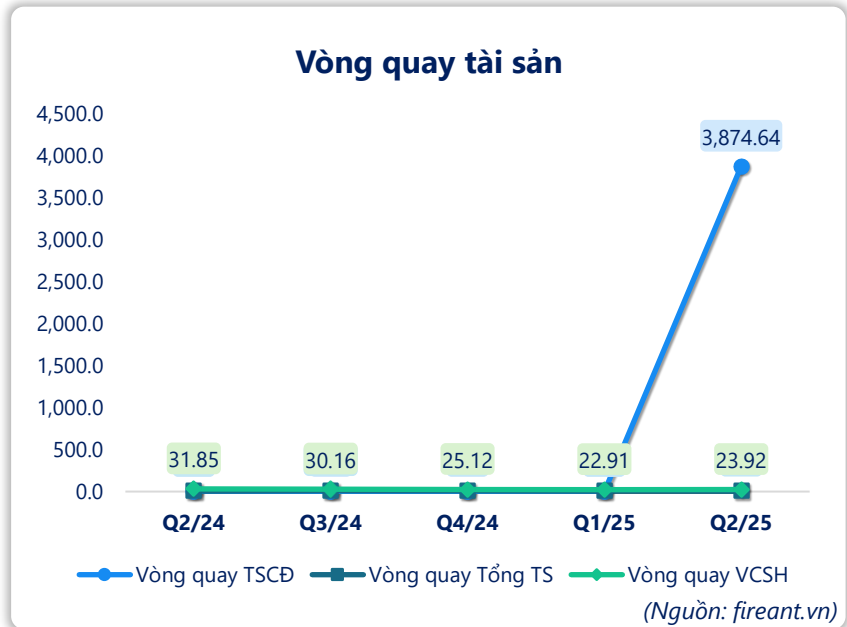
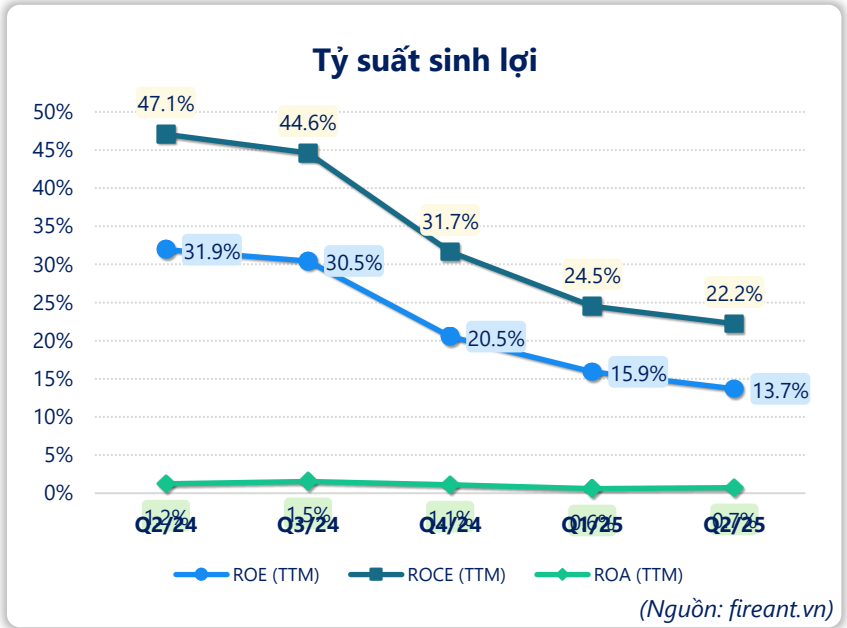
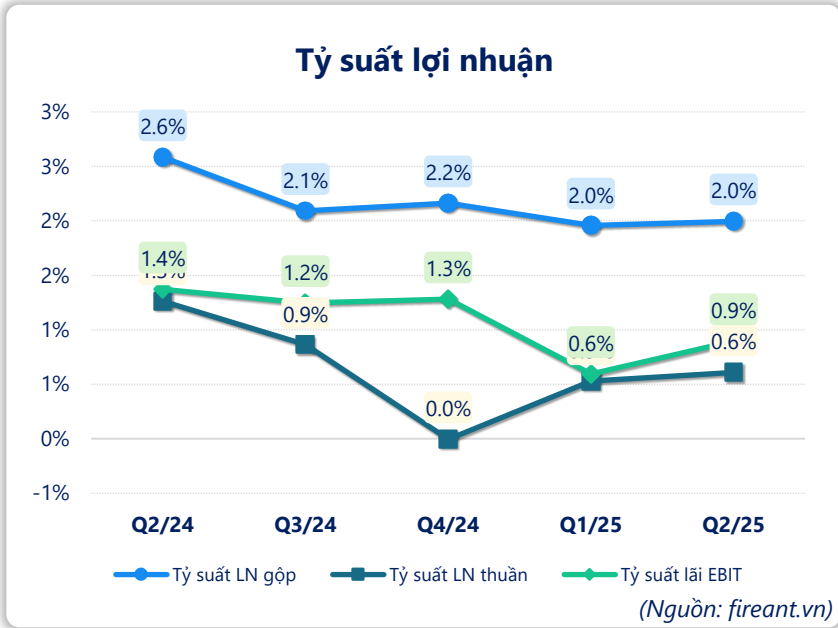
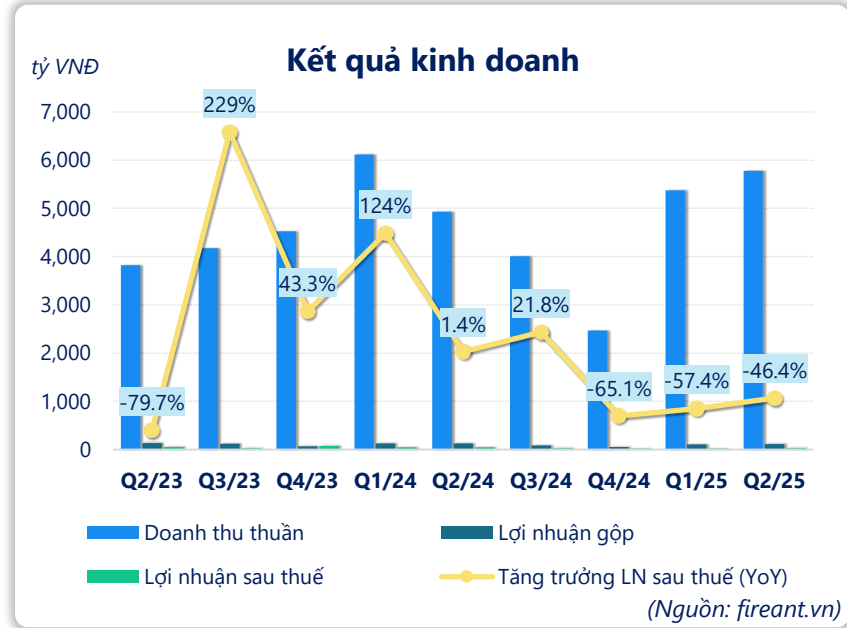


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		80,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		88,725
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		68,543
SL cổ phiếu LH		11,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		440
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		880
P/E		8.7
EPS		9,171

	YTD	1T	3T	6T
CLM	6.1%	1.3%	-1.0%	6.7%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	4,119	1,348	205%
Tài sản ngắn hạn	4,034	1,268	218%
Tiền và tương đương tiền	59.4	180	-66.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	1,824	410	345%
Hàng tồn kho	2,069	674	207%
Tài sản ngắn hạn khác	80.8	4.13	1855%
Tài sản dài hạn	85.1	80.6	5.5%
Phải thu dài hạn	2.86	2.86	0.0%
Tài sản cố định	9.10	0	
Bất động sản đầu tư	63.0	65.4	-3.6%
Tài sản dở dang	0.47	0.11	320%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	9.59	12.3	-22.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	3,343	594	462%
Nợ ngắn hạn	3,336	588	468%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,657	1.11	149071%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,518	462	229%
Nợ dài hạn	6.89	6.53	5.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	776	754	2.9%
Vốn chủ sở hữu	776	754	2.9%
Vốn điều lệ	110	110	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	4,931	4,006	2,471	5,376	5,776
Giá vốn hàng bán	4,803	3,922	2,418	5,271	5,661
Lợi nhuận gộp	127	83.8	53.4	105	115
Doanh thu HĐTC	4.08	26.9	7.77	9.00	38.0
Chi phí TC	21.2	12.6	4.93	13.1	32.2
Chi phí lãi vay	7.25	11.8	3.14	6.98	13.8
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	22.0	46.5	29.7	50.7	61.3
Chi phí QLDN	26.1	17.1	26.6	22.1	24.6
LN thuần từ HĐKD	62.2	34.6	-0.13	28.4	35.2
Lợi nhuận khác	-1.89	3.49	28.6	-3.43	2.78
LN trước thuế	60.3	38.1	28.5	25.0	38.0
Lợi nhuận sau thuế	46.1	29.0	21.5	20.0	30.4
LNST của CĐ cty mẹ	46.1	29.0	21.5	20.0	30.4

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	758	608	849	-1,497	-248
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.04	0.04	0.04	0.06	-9.57
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-734	-630	-723	1,343	291
Tiền đầu kỳ	52.4	76.6	53.4	180	25.7
Lưu chuyển tiền thuần	24.3	-22.5	126	-154	33.9
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.07	-0.67	0.36	-0.10	-0.14
Tiền cuối kỳ	76.6	53.4	180	25.7	59.4

(Nguồn: fireant.vn)